

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban lãnh đạo	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	5 – 30
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 30

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần gạch Khang Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần gạch Khang Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 07500510750 ngày 23 tháng 9 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 03 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là sản xuất gạch không nung các loại.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ giao dịch tại: Tầng 5, tòa nhà VG, ngõ 235 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Đặng Việt Lê	Chủ tịch
Ông Lê Hoài An	Ủy viên
Ông Phạm Sĩ Giang	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Tiêm	Ủy viên
Ông Trần Hải Long	Ủy viên

GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Hoài An	Giám đốc
Bà Hoàng Hạnh Phúc	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Báo cáo của Ban lãnh đạo (tiếp theo)

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nam, ngày 22 tháng 3 năm 2018

TM. Ban lãnh đạo

Chủ tịch HĐQT



Đặng Việt Lê

Số: 88/2018/BCKT-TC2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần gạch Khang Minh được lập ngày 22 tháng 3 năm 2018, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần gạch Khang Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2018

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc



Mai Văn Công

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2920-2014-152-1

Kiểm toán viên



Nguyễn Hải Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3407-2016-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		86.044.728.154	77.850.131.763
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.037.081.349	5.505.249.071
1.	Tiền	111	V.01	4.037.081.349	5.505.249.071
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		51.031.939.754	51.305.685.450
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	47.086.542.000	49.867.244.212
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	3.382.397.754	1.335.617.723
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	563.000.000	102.823.515
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	12.996.724.591	4.153.548.855
1.	Hàng tồn kho	141		12.996.724.591	4.153.548.855
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		17.978.982.460	16.885.648.387
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	1.430.246.980	122.086.247
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	16.548.735.480	16.763.562.140
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		68.935.649.483	42.464.620.535
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		43.479.425	43.479.425
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	43.479.425	43.479.425
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		36.422.419.494	34.175.913.668
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	36.422.419.494	34.175.913.668
	- Nguyên giá	222		64.382.484.444	57.012.890.741
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(27.960.064.950)	(22.836.977.073)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.07	5.436.204.593	1.610.169.837
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.436.204.593	1.610.169.837
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	23.144.183.172	200.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		22.394.183.172	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		750.000.000	200.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		3.889.362.799	6.435.057.605
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	3.889.362.799	6.435.057.605
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		154.980.377.637	120.314.752.298

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		98.485.510.875	66.423.849.288
I.	Nợ ngắn hạn	310		86.000.914.727	58.947.169.713
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	19.456.942.674	30.343.211.431
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	2.521.510.589	523.872.600
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	2.730.777.129	2.138.613.998
4.	Phải trả người lao động	314		1.228.833.064	1.237.447.478
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	-	95.000.000
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	8.350.310.769	357.882.509
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	51.712.540.502	24.251.141.697
II.	Nợ dài hạn	330		12.484.596.148	7.476.679.575
1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	12.484.596.148	7.476.679.575
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		56.494.866.762	53.890.903.010
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.16	56.494.866.762	53.890.903.010
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.000.000.000	45.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.000.000.000	45.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.494.866.762	8.890.903.010
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		4.390.903.010	5.750.940.153
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		7.103.963.752	3.139.962.857
3.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		154.980.377.637	120.314.752.298

Người lập biểu

Trần Thị Miên



Kế toán trưởng

Hoàng Hạnh phúc



Hà Nam, ngày 22 tháng 3 năm 2018

Chủ tịch HĐQT

Đặng Việt Lê



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	139.192.700.345	125.232.695.017
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	1.221.572.262
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		139.192.700.345	124.011.122.755
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	118.363.827.752	106.688.796.971
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.828.872.593	17.322.325.784
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	3.341.013	5.973.052
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	3.783.591.693	2.784.344.677
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.774.296.238	2.778.423.963
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	4.424.724.661	4.433.157.278
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	3.663.953.350	5.495.252.618
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.959.943.902	4.615.544.263
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	55.000.000	6.502.401
12.	Chi phí khác	32	VI.07	107.991.370	289.937.682
13.	Lợi nhuận khác	40		(52.991.370)	(283.435.281)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.906.952.532	4.332.108.982
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	1.802.988.780	1.192.146.125
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		7.103.963.752	3.139.962.857

Người lập biểu



Trần Thị Miên

Kế toán trưởng



Hoàng Hạnh Phúc

Hà Nam, ngày 22 tháng 3 năm 2018

Chủ tịch HĐQT



Đặng Việt Lê

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		157.890.310.529	123.467.222.754
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(131.561.381.730)	(92.465.560.256)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(17.438.943.451)	(13.284.543.602)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(3.774.296.238)	(2.778.423.963)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(1.192.146.125)	(1.688.793.417)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		20.547.479.160	1.050.388.243
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(16.938.306.627)	(2.195.263.949)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.532.715.518	12.105.025.810
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(14.029.356.459)	(16.207.003.954)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	127.272.727
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.800.000.000)	(1.125.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.800.000.000	1.125.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(22.944.183.172)	(200.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.341.013	5.973.052
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(36.970.198.618)	(16.273.758.175)

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		124.092.249.863	81.940.098.770
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(91.622.934.485)	(76.965.389.844)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.500.000.000)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		27.969.315.378	4.974.708.926
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.468.167.722)	805.976.561
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.505.249.071	4.699.272.510
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		4.037.081.349	5.505.249.071

Hà Nam, ngày 22 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Trần Thị Miên

Hoàng Hạnh Phúc

Đặng Việt Lê

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất vật liệu xây dựng.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là sản xuất gạch không nung các loại.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Công ty có 01 công ty con là:

<i>Tên Công ty con</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>
Công ty TNHH Sản xuất gạch Khang Minh	Thôn Tân Lâm, thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban lãnh đạo đảm bảo Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 10 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
- TSCĐ hữu hình khác	05 – 08 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lãi, lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của thành phẩm bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	1.010.381.497	640.182.059
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.026.699.852	4.865.067.012
Cộng	<u>4.037.081.349</u>	<u>5.505.249.071</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm			Số đầu năm						
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty con			22.394.183.172	-	22.394.183.172			-	-	-
+ Công ty TNHH SX Gạch Khang Minh	100	100	22.394.183.172		22.394.183.172	-	-	-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác			750.000.000	-	750.000.000			200.000.000	-	200.000.000
+ Công ty Cổ phần Vận tải và dịch vụ Khang Minh	15	15	750.000.000	-	750.000.000	15	15	200.000.000	-	200.000.000
Cộng			23.144.183.172	-	23.144.183.172			200.000.000	-	200.000.000

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con và đơn vị khác trong năm:

Năm nay

Góp vốn đầu tư

Công ty TNHH Sản xuất gạch Khang Minh

22.394.183.172

Doanh thu bán hàng

Công ty TNHH Sản xuất gạch Khang Minh

355.699.500

Mượn tiền

Công ty TNHH Sản xuất gạch Khang Minh

7.873.730.550

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	47.086.542.000	49.867.244.212
- Công ty Cổ phần Gạch Đoàn Minh Công	205.498.277	13.393.921.437
- Công ty Thành An 116 - Tổng công ty Thành An	2.198.230.713	2.278.230.713
- Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Delta	1.930.337.626	2.655.411.366
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	42.752.475.384	31.539.680.696
Cộng	47.086.542.000	49.867.244.212

04. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.382.397.754	1.335.617.723
- Công ty TNHH Vật liệu nhiệt Phát Lộc	-	100.000.000
- Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển thương mại Nguyên Minh	-	1.000.000.000
- Xiamen Huazhi Im & Ex Co., LTD	2.568.676.000	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí và vật liệu xây dựng Thanh Phúc	570.680.000	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	243.041.754	235.617.723
Cộng	3.382.397.754	1.335.617.723

05. Phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
a. Ngắn hạn	563.000.000	-	102.823.515	-
- Tạm ứng	563.000.000	-	101.759.879	-
- Phải thu khác	-	-	1.063.636	-
b. Dài hạn	43.479.425	-	43.479.425	-
- Ký cược, ký quỹ	43.479.425	-	43.479.425	-
Cộng	606.479.425	-	146.302.940	-

06. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	2.872.588.604	-	1.771.239.479	-
- Công cụ, dụng cụ	366.475.626	-	44.317.468	-
- Thành phẩm	9.757.660.361	-	2.337.991.908	-
Cộng	12.996.724.591	-	4.153.548.855	-

07. Tài sản dở dang dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-
- Mua sắm tài sản cố định	87.018.383	
- Xây dựng cơ bản dở dang	5.349.186.210	1.610.169.837
+ Bãi dưỡng gạch	-	1.610.169.837
+ Văn phòng	5.274.097.469	-
+ Công trình khác	75.088.741	-
Cộng	5.436.204.593	1.610.169.837

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH
 Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	13.138.403.005	34.282.678.655	7.995.818.172	847.772.727	748.218.182	57.012.890.741
- Mua trong năm	-	6.000.100.000	810.000.000	-	190.000.000	7.000.100.000
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	3.203.221.703	-	-	-	-	3.203.221.703
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.833.728.000)	-	-	-	(2.833.728.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	16.341.624.708	37.449.050.655	8.805.818.172	847.772.727	938.218.182	64.382.484.444
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	6.741.131.957	13.649.077.904	1.704.289.486	133.863.631	608.614.095	22.836.977.073
- Khấu hao trong năm	1.565.844.434	4.834.847.432	1.354.148.758	113.840.904	88.134.349	7.956.815.877
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.833.728.000)	-	-	-	(2.833.728.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	8.306.976.391	15.650.197.336	3.058.438.244	247.704.535	696.748.444	27.960.064.950

III. Giá trị còn lại

1. Tại ngày đầu năm	6.397.271.048	20.633.600.751	6.291.528.686	713.909.096	139.604.087	34.175.913.668
2. Tại ngày cuối năm	8.034.648.317	21.798.853.319	5.747.379.928	600.068.192	241.469.738	36.422.419.494

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 533.920.952 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo số sách lần lượt là 28.989.219.755 đồng và 19.207.364.867 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Hợp tác – Chi nhánh Sở giao dịch và Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hà Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Chi phí trả trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	1.430.246.980	122.086.247
- Chi phí trả trước về thuê văn phòng	-	51.377.905
- Giá trị còn lại công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1.430.246.980	70.708.342
b. Dài hạn	3.889.362.799	6.435.057.605
- Giá trị còn lại công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1.156.074.577	3.620.116.638
- Chi phí san lấp mặt bằng	2.733.288.222	2.796.607.638
- Các khoản khác	-	18.333.329
Cộng	5.319.609.779	6.557.143.852

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a. Vay ngắn hạn	24.251.141.697	24.251.141.697	113.894.317.290	86.432.918.485	51.712.540.502	51.712.540.502	
- Vay ngân hàng	24.251.141.697	24.251.141.697	104.394.317.290	86.432.918.485	42.212.540.502	42.212.540.502	
+ Ngân hàng Hợp tác - Chi nhánh Sở giao dịch ^(a)	10.267.051.829	10.267.051.829	16.385.837.568	17.664.975.157	8.987.914.240	8.987.914.240	
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hà Nam ^(b)	13.067.589.868	13.067.589.868	88.008.479.722	67.851.443.328	33.224.626.262	33.224.626.262	
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Chi nhánh Kinh Đô	916.500.000	916.500.000	-	916.500.000	-	-	
- Vay đối tượng khác	-	-	9.500.000.000	-	9.500.000.000	9.500.000.000	
+ Ông Đặng Việt Lê ^(c)	-	-	9.500.000.000	-	9.500.000.000	9.500.000.000	
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	7.476.679.575	7.476.679.575	10.197.932.573	5.190.016.000	12.484.596.148	12.484.596.148	
Vay dài hạn	7.476.679.575	7.476.679.575	10.197.932.573	5.190.016.000	12.484.596.148	12.484.596.148	
Từ 1 năm đến 5 năm	7.476.679.575	7.476.679.575	10.197.932.573	5.190.016.000	12.484.596.148	12.484.596.148	
- Vay ngân hàng	7.476.679.575	7.476.679.575	10.197.932.573	5.190.016.000	12.484.596.148	12.484.596.148	
+ Ngân hàng Hợp tác - Chi nhánh Sở giao dịch ^(d)	4.071.550.000	4.071.550.000	-	2.707.760.000	1.363.790.000	1.363.790.000	
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hà Nam ^(e)	3.405.129.575	3.405.129.575	6.260.519.200	2.482.256.000	7.183.392.775	7.183.392.775	
+ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành ^(f)	-	-	3.937.413.373	-	3.937.413.373	3.937.413.373	
Cộng	31.727.821.272	31.727.821.272	124.092.249.863	91.622.934.485	64.197.136.650	64.197.136.650	

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (a) Khoản vay theo các hợp đồng cho vay cụ thể số HMA0500449/HĐCT ngày 11/7/2017; số HMA0500450/HĐCT ngày 06/11/2017; số HMA0500451/HĐCT ngày 07/11/2017; số HMA0500452/HĐCT ngày 10/11/2017; số HMA0500453/HĐCT ngày 13/11/2017; số HMA0500454/HĐCT ngày 16/11/2017; số HMA0500455/HĐCT ngày 13/12/2017; số HMA0500456/HĐCT ngày 14/12/2017; số 0100000004705014/HĐCT ngày 21/12/2017; số 0100000004863014/HĐCT ngày 28/12/2017 để thanh toán cho các chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba. Thời hạn vay là 6 tháng. Lãi suất vay trong năm là 9,1%/năm.
- (b) Khoản vay theo các hợp đồng hạn mức tín dụng số 12495.16.770.2297527.TD ngày 31/3/2016, phụ lục hợp đồng số 12495.16.770.2297527.TD.PL01 ngày 03/01/2017 và số 95474.17.770.2297527 ngày 03/4/2017 để bổ sung vốn lưu động. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng. Lãi suất vay thay đổi theo từng thời kỳ.
- (c) Khoản vay ngắn hạn của ông Đặng Việt Lê với lãi suất 0% để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
- (d) Khoản vay theo các hợp đồng trung hạn số DHA0500049/HĐTD ngày 20/5/2016; số DHA0500050/HĐTD ngày 09/6/2016; số DHA0500051/HĐTD ngày 17/7/2016; số DHA0500052/HĐTD, số DHA0500053/HĐTD, số DHA0500054/HĐTD ngày 15/9/2016; số DHA0500055/HĐTD, số DHA0500056/HĐTD ngày 27/10/2016. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ 3, tài sản của Công ty và tài sản hình thành từ vốn vay. Thời hạn vay là 36 tháng. Lãi suất vay trong năm từ 8,4%/năm đến 10,8%/năm.
- (e) Khoản vay dài hạn theo các hợp đồng tín dụng số 111.15.770.2297527.TD ngày 07/10/2015; số 69940.15.770.2297527.TD ngày 26/10/2015; số 78902.15.770.2297527.TD ngày 28/10/2015; số 2790.16.770.2297527.TD ngày 26/01/2016; số 16450.16.770.2297527.TD ngày 28/4/2016; số 18271.16.770.2297527.TD ngày 10/5/2016; số 2429.17.770.2297527.TD ngày 24/01/2017; số 88973.17.770.2297527.TD ngày 21/3/2017; số 117423.17.770.2297527.TD ngày 11/7/2017; số 118859.17.770.2297527.TD ngày 12/7/2017; số 28873.17.770.2297527.TD ngày 28/11/2017 để mua tài sản cố định và được đảm bảo bằng tài sản cố định hình thành từ vốn vay. Thời hạn vay là 36 tháng. Lãi suất vay thay đổi theo từng thời kỳ.
- (f) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành theo các hợp đồng tín dụng số SGO20170851/HĐTD ngày 29/6/2017; SGO20170852/HĐTD ngày 13/6/2017; SGO20170853 ngày 13/6/2017 để mua 03 căn hộ tại dự án D'.Capital và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất vay trong năm là 9,65%/năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	19.456.942.674	19.456.942.674	30.343.211.431	30.343.211.431
- Công ty TNHH Vận tải Trường Kỳ	1.292.460.628	1.292.460.628	1.739.277.068	1.739.277.068
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Thăng Long	6.352.995.230	6.352.995.230	8.282.932.440	8.282.932.440
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hà Mai	731.500.000	731.500.000	1.781.500.000	1.781.500.000
- Công ty Cổ phần Vận tải Vijiasun Hà Nam	687.549.246	687.549.246	7.096.273.923	7.096.273.923
- Công ty TNHH xây dựng và phát triển thương mại Nguyên Minh	461.010.555	461.010.555	3.616.077.549	3.616.077.549
- Công ty Cổ phần Đoàn Minh Công	231.345.600	231.345.600	2.028.343.200	2.028.343.200
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	9.700.081.415	9.700.081.415	5.798.807.251	5.798.807.251
Cộng	19.456.942.674	19.456.942.674	30.343.211.431	30.343.211.431

12. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.521.510.589	2.521.510.589	523.872.600	523.872.600
- Công ty Cổ phần Tư vấn, Đầu tư và Xây dựng Hương Giang số 1	278.980.548	278.980.548	278.980.548	278.980.548
- Tổng Công ty 36 - CTCP	1.662.220.479	1.662.220.479	-	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	580.309.562	580.309.562	244.892.052	244.892.052
Cộng	2.521.510.589	2.521.510.589	523.872.600	523.872.600

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Đơn vị tính: VND			
	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số phải thu cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	-	946.467.873	2.035.622.295	-
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	256.531.650	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.192.146.125	1.802.988.780	-
- Thuế thu nhập cá nhân	3.332.852	-	257.899.974	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	16.760.229.288	-	211.493.808	16.548.735.480
- Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	-
Cộng	16.763.562.140	2.138.613.998	4.567.536.507	16.548.735.480
			3.760.546.716	2.730.777.129

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>	-	95.000.000
- Trích trước chi phí khác	-	95.000.000
Cộng	-	95.000.000

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>	8.350.310.769	357.882.509
- Kinh phí công đoàn	350.891.899	181.824.553
- Bảo hiểm xã hội	125.688.320	176.057.956
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.873.730.550	-
+ Công ty TNHH Sản xuất Gạch Khang Minh	7.873.730.550	-
Cộng	8.350.310.769	357.882.509

16. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	45.000.000.000	5.750.940.153	50.750.940.153
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	3.139.962.857	3.139.962.857
Tăng khác	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm trước	45.000.000.000	8.890.903.010	53.890.903.010
Số dư đầu năm nay	45.000.000.000	8.890.903.010	53.890.903.010
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	7.103.963.752	7.103.963.752
Tăng khác	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm nay	45.000.000.000	11.494.866.762	56.494.866.762

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của các đối tượng khác	45.000.000.000	100	45.000.000.000	100
+ Ông Đặng Việt Lê	15.000.000.000	33	15.000.000.000	33
+ Ông Lê Hoài An	1.500.000.000	3	1.500.000.000	3
+ Các cổ đông khác	28.500.000.000	64	28.500.000.000	64
Cộng	45.000.000.000	100	45.000.000.000	100

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	45.000.000.000	45.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	45.000.000.000	45.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.500.000.000	-

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.500.000	4.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.500.000	4.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.500.000	4.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán thành phẩm	139.192.700.345	125.232.695.017
Cộng	139.192.700.345	125.232.695.017

Ngoài các doanh thu đã thuyết minh tại mục V.02, không còn doanh thu nào khác với các bên liên quan.

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Hàng bán bị trả lại	-	1.221.572.262
Cộng	-	1.221.572.262

03. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	118.363.827.752	106.688.796.971
Cộng	118.363.827.752	106.688.796.971

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	3.341.013	5.973.052
Cộng	3.341.013	5.973.052

05. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	3.774.296.238	2.778.423.963
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	5.920.714
- Chi phí tài chính khác	9.295.455	-
Cộng	3.783.591.693	2.784.344.677

06. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản khác	55.000.000	6.502.401
Cộng	55.000.000	6.502.401

07. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	-	113.501.682
- Lãi nộp chậm bảo hiểm	62.621.370	13.537.736
- Phạt chậm nộp thuế	-	162.033.237
- Các khoản khác	45.370.000	865.027
Cộng	107.991.370	289.937.682

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
<i>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i>	3.663.953.350	5.495.252.618
- Chi phí nhân viên quản lý	1.518.704.384	1.774.137.781
- Chi phí vật liệu quản lý	487.339.585	586.036.677
- Chi phí khấu hao TSCĐ	113.840.904	113.840.904
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	36.774.060
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	239.670.591	930.363.189
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.301.397.886	2.054.100.007
<i>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</i>	4.424.724.661	4.433.157.278
- Chi phí nhân viên	2.733.521.134	2.509.307.475
- Chi phí vật liệu, bao bì	16.831.818	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	657.885.042	920.270.544
- Các khoản chi phí bán hàng khác	1.016.486.667	1.003.579.259
Cộng	8.088.678.011	9.928.409.896

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	1.802.988.780	1.192.146.125
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>1.802.988.780</u>	<u>1.192.146.125</u>

(*) Chi tiết xác định chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	8.906.952.532	4.332.108.982
Các khoản điều chỉnh tăng	107.991.370	1.628.621.641
+ Lãi chậm nộp bảo hiểm và thuế	62.621.370	175.570.973
+ Chi phí không được trừ khác	45.370.000	1.453.050.668
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
+ Chuyển lỗ các năm trước	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	9.014.943.902	5.960.730.623
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>1.802.988.780</u>	<u>1.192.146.125</u>

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.114.684.228	47.483.442.729
- Chi phí nhân công	19.119.880.609	14.699.429.115
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.956.815.877	6.514.145.031
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.118.337.364	31.211.890.931
- Chi phí khác bằng tiền	15.562.456.138	16.208.025.723
Cộng	<u>133.872.174.216</u>	<u>116.116.933.529</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

02. Giao dịch với các bên liên quan**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị Ban lãnh đạo, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>
Hội đồng quản trị	
Vay tiền	9.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị		
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	9.500.000.000	-
Cộng nợ phải trả	9.500.000.000	-

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.100.201.954	1.007.910.020
Cộng	1.100.201.954	1.007.910.020

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Sản xuất gạch Khang Minh	Công ty con

Giao dịch phát sinh trong năm được trình bày tại thuyết minh số V.02.

Tại ngày kết năm tài chính, còn công nợ khác với bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Sản xuất gạch Khang Minh		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.873.730.550	-
Cộng nợ phải trả	7.873.730.550	-

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có lĩnh vực kinh doanh chính là sản xuất gạch không nung.

Khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH
 Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.037.081.349	-	5.505.249.071	-	4.037.081.349	5.505.249.071
Phải thu khách hàng và phải thu khác	47.086.542.000	-	49.868.307.848	-	47.086.542.000	49.868.307.848
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	51.123.623.349	-	55.373.556.919	-	51.123.623.349	55.373.556.919

Giá trị sổ sách

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán	19.456.942.674	30.343.211.431
Vay và nợ	64.197.136.650	31.727.821.272
Chi phí phải trả	-	95.000.000
Các khoản phải trả khác	-	-
Cộng	83.654.079.324	62.166.032.703

Giá trị hợp lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
19.456.942.674	30.343.211.431	
64.197.136.650	31.727.821.272	
-	95.000.000	
-	-	
83.654.079.324	62.166.032.703	

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**05. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	19.456.942.674	-	-	19.456.942.674
Vay và nợ	51.712.540.502	12.484.596.148	-	64.197.136.650
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	71.169.483.176	12.484.596.148	-	83.654.079.324
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	30.343.211.431	-	-	30.343.211.431
Vay và nợ	24.251.141.697	7.476.679.575	-	31.727.821.272
Chi phí phải trả	95.000.000	-	-	95.000.000
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	54.689.353.128	7.476.679.575	-	62.166.032.703

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nam, ngày 22 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Trần Thị Miên

Hoàng Hạnh Phúc

Đặng Việt Lê

